

## THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHO HỌC SINH TẠI CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HUỠNH LÂM ANH CHƯƠNG\*

### TÓM TẮT

*Bài viết trình bày kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống (HĐGDKN) cho học sinh (HS) ở 20 trường tiểu học tại Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM), đồng thời đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động này.*

**Từ khóa:** quản lý, quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống, học sinh tiểu học.

### ABSTRACT

*The reality of managing life skill education for primary school students  
in Ho Chi Minh City*

*The article presents the results of the survey of the reality of managing life skill education for students of 20 primary schools in Ho Chi Minh City as well as suggests some solutions to improve management quality.*

**Keywords:** management, management of life skill education, primary school students.

### 1. Đặt vấn đề

Quản lý HĐGDKN cho HS tại các trường tiểu học là một nội dung trong công tác quản lý của hiệu trưởng trường tiểu học. Hiện nay, quản lý HĐGDKN cho HS tại các trường tiểu học đã đạt được những kết quả nhất định trong nhận thức và hành động của cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV), cha mẹ HS và các lực lượng giáo dục khác. Tuy nhiên, quản lý HĐGDKN cho HS tại các trường tiểu học hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế về cơ sở lý luận lẫn thực tiễn, vì vậy cần được tiếp tục nghiên cứu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện tốt mục tiêu GDKNS cho HS.

### 2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh

Tìm hiểu thực trạng quản lý

HĐGDKN cho HS tại 20 trường tiểu học ở TPHCM bằng việc sử dụng phiếu hỏi với mẫu gồm 702 CBQL, GV, NV. Khảo sát thực trạng tập trung vào 4 nhóm công việc ứng với 4 chức năng quản lý và 2 khía cạnh: mức độ thực hiện thường xuyên và mức độ hiệu quả của từng công việc cụ thể trong các nhóm. Các kết quả phân tích được trình bày theo nhóm: ý kiến của CBQL, của GV, NV và tổng hợp chung toàn mẫu. Hệ số tương quan Pearson được sử dụng để tìm hiểu sự tương quan giữa mức độ thường xuyên và mức độ hiệu quả của các công việc quản lý; tìm hiểu tương quan giữa các thứ hạng mức thường xuyên và hiệu quả của các công việc trong mỗi nhóm.

**2.1. Đánh giá chung thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh (xem bảng 1)**

\* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

**Bảng 1. Mức độ thường xuyên và hiệu quả của công tác quản lý HĐGDKNS**

STT	Chức năng quản lý	Đối tượng khảo sát	Mức độ thường xuyên		Mức độ hiệu quả		TQ. Pearson
			Trung bình	Thứ hạng	Trung bình	Thứ hạng	Có ý nghĩa ở xác suất 1%
1	Xây dựng kế hoạch GDKNS cho HS	CBQL	1,658		1,736		
		GV, NV	1,625		1,702		
		Chung	<b>1,630</b>	<b>1</b>	<b>1,707</b>	<b>1</b>	<b>0,757</b>
2	Công tác tổ chức và chỉ đạo	CBQL	1,591		1,616		
		GV, NV	1,560		1,541		
		Chung	<b>1,565</b>	<b>2</b>	<b>1,553</b>	<b>3</b>	<b>0,802</b>
3	Kiểm tra và đánh giá	CBQL	1,503		1,517		
		GV, NV	1,551		1,562		
		Chung	<b>1,543</b>	<b>3</b>	<b>1,555</b>	<b>2</b>	<b>0,766</b>
4	Quản lý các điều kiện	CBQL	1,441		1,481		
		GV, NV	1,460		1,440		
		Chung	<b>1,457</b>	<b>4</b>	<b>1,446</b>	<b>4</b>	<b>0,762</b>
5	Công việc quản lý nói chung	CBQL	1,588		1,548		
		GV, NV	1,561		1,549		
		Chung	<b>1,565</b>		<b>1,549</b>		<b>0,815</b>

Bảng 1 cho thấy:

- Về mức độ thường xuyên, xét trên toàn mẫu, 3 chức năng quản lý đều được thực hiện ở mức thường xuyên theo thứ tự từ cao xuống thấp là: xây dựng kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá; các trị số trung bình (TB) từ 1,54 đến 1,63 (từ 1,5 đến dưới 2,5). Nhóm chức năng quản lý các điều kiện được thực hiện ít thường xuyên hơn, TB=1,46, gần với mức thường xuyên. Không có sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL và GV, NV (các chỉ số chênh lệch điểm TB là không đáng kể, dưới 0,05).
- Về hiệu quả, xét trên toàn mẫu, ba chức năng quản lý được đánh giá có hiệu quả theo thứ tự từ cao xuống thấp là: xây dựng kế hoạch, kiểm tra và đánh giá, tổ chức và chỉ đạo (các trị số TB từ 1,57 đến

1,71). Nhóm công việc quản lý các điều kiện được đánh giá ít hiệu quả hơn (TB=1,45), gần với mức hiệu quả. Không có sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL và GV, NV (các chỉ số chênh lệch điểm TB là không đáng kể, dưới 0,1 và ở cùng một mức đánh giá).

- Trong từng chức năng quản lý, kiểm nghiệm hệ số tương quan giữa TB mức thường xuyên và mức hiệu quả cho thấy có tương quan ở mức ý nghĩa 1%, trị số tương quan khá cao, các trị số đều trên 0,75.

- Có sự thống nhất cao trong đánh giá của CBQL và GV, NV. Các ý kiến cho rằng các chức năng quản lý HĐGDKNS cho HS được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả.

**2.2. Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh (xem bảng 2)**

**Bảng 2. Mức độ thường xuyên và hiệu quả của xây dựng kế hoạch HDGDKNS cho HS**

STT	Xây dựng kế hoạch GDKNS cho HS	Đối tượng	Mức độ thường xuyên		Mức độ hiệu quả		TQ. Pearson
			Trung bình	Thứ hạng	Trung bình	Thứ hạng	Có ý nghĩa ở xác suất 1%
1	Tìm hiểu nhu cầu và phân tích thực trạng của trường về GDKNS cho HS	CBQL	1,69		1,62		
		GV, NV	1,58		1,57		
		<b>Chung</b>	<b>1,59</b>	<b>6</b>	<b>1,57</b>	<b>6</b>	<b>0,716</b>
2	Nắm vững những quy định và yêu cầu của cấp trên về GDKNS cho HS	CBQL	1,94		1,75		
		GV, NV	1,84		1,75		
		<b>Chung</b>	<b>1,85</b>	<b>3</b>	<b>1,75</b>	<b>2</b>	<b>0,682</b>
3	Xác định mục đích và nội dung GDKNS	CBQL	2,02		1,88		
		GV, NV	1,93		1,79		
		<b>Chung</b>	<b>1,94</b>	<b>1</b>	<b>1,80</b>	<b>1</b>	<b>0,633</b>
4	Xác định hình thức và phương pháp thực hiện	CBQL	1,90		1,79		
		GV, NV	1,86		1,74		
		<b>Chung</b>	<b>1,87</b>	<b>2</b>	<b>1,75</b>	<b>2</b>	<b>0,730</b>
5	Xác định thời gian, kinh phí, các điều kiện cần thiết	CBQL	1,58		1,56		
		GV, NV	1,56		1,49		
		<b>Chung</b>	<b>1,56</b>	<b>9</b>	<b>1,50</b>	<b>9</b>	<b>0,727</b>
6	Xác định các lực lượng tham gia thực hiện	CBQL	1,71		1,62		
		GV, NV	1,69		1,60		
		<b>Chung</b>	<b>1,70</b>	<b>5</b>	<b>1,61</b>	<b>5</b>	<b>0,729</b>
7	Xây dựng các loại kế hoạch GDKNS theo thời gian và công việc	CBQL	1,68		1,62		
		GV, NV	1,72		1,63		
		<b>Chung</b>	<b>1,72</b>	<b>4</b>	<b>1,63</b>	<b>4</b>	<b>0,709</b>
8	Xây dựng tiêu chí đánh giá HDGDKNS	CBQL	1,47		1,47		
		GV, NV	1,58		1,54		
		<b>Chung</b>	<b>1,57</b>	<b>7</b>	<b>1,53</b>	<b>8</b>	<b>0,784</b>
9	Duyệt các loại kế hoạch	CBQL	1,63		1,61		
		GV, NV	1,56		1,52		
		<b>Chung</b>	<b>1,57</b>	<b>7</b>	<b>1,54</b>	<b>7</b>	<b>0,694</b>

Bảng 2 cho thấy:

- Về mức độ thường xuyên, xét trên toàn mẫu, 9 tiêu chí cụ thể trong nhóm công việc xây dựng kế hoạch được thực hiện ở mức thường xuyên (các trị số TB từ 1,56 đến 1,94). Trong đó, ba tiêu chí được thực hiện thường xuyên hơn là: xác định mục đích và nội dung của HĐGDKNS, xác định hình thức và phương pháp, nắm vững các quy định về GDKNS cho HS; và ba tiêu chí ít được thực hiện thường xuyên hơn là: tìm hiểu nhu cầu và phân tích thực trạng của trường về GDKNS cho HS, xây dựng tiêu chí đánh giá, xác định thời gian, kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động này. Không có sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL và GV, NV ở từng công việc cụ thể (các chỉ số chênh lệch điểm TB là không đáng kể, khoảng 0,1).

- Về mức độ hiệu quả, xét trên toàn mẫu, 9 tiêu chí cụ thể trong nhóm công việc xây dựng kế hoạch được đánh giá ở mức hiệu quả (các trị số TB từ 1,50 đến 1,80). Trong đó, ba tiêu chí được đánh giá hiệu quả hơn là: xác định mục đích và nội dung của HĐGDKNS, xác định hình thức và phương pháp, nắm vững các quy

định về GDKNS cho HS; và ba tiêu chí được đánh giá ít hiệu quả hơn là: tìm hiểu nhu cầu và phân tích thực trạng của trường về GDKNS cho HS, xây dựng tiêu chí đánh giá, xác định thời gian, kinh phí và các điều kiện cần thiết cho hoạt động này. Không có sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL và GV, NV ở từng công việc cụ thể (các chỉ số chênh lệch điểm TB là không đáng kể, khoảng 0,1).

- Trong từng tiêu chí cụ thể, kiểm nghiệm hệ số tương quan Pearson giữa TB mức thường xuyên và mức hiệu quả cho thấy có tương quan ở mức ý nghĩa 1%, trị số tương quan khá cao, các trị số ở gần 0,7. Hệ số tương quan Spearman giữa các thứ hạng mức thường xuyên và mức hiệu quả của 9 công việc trên = **0,992** (ở mức XS ý nghĩa 1%).

- Có sự thống nhất cao trong đánh giá của CBQL và GV, NV, các ý kiến cho rằng việc xây dựng kế hoạch HĐGDKNS cho HS được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả.

**2.3. Tổ chức, chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh (xem bảng 3)**

**Bảng 3. Mức độ thường xuyên và hiệu quả của công tác tổ chức và chỉ đạo**

STT	Công tác tổ chức và chỉ đạo	Đối tượng	Mức độ thường xuyên		Mức độ hiệu quả		TQ. Pearson
			Trung bình	Thứ hạng	Trung bình	Thứ hạng	Có ý nghĩa ở xác suất 1%
1	Thành lập Ban chỉ đạo HĐGDKNS	CBQL	1,20		1,28		
		GV, NV	1,24		1,32		
		<b>Chung</b>	<b>1,23</b>	<b>14</b>	<b>1,32</b>	<b>14</b>	<b>0,735</b>
2	Ra những quyết định, quy định về HĐGDKNS	CBQL	1,44		1,44		
		GV, NV	1,43		1,45		
		<b>Chung</b>	<b>1,43</b>	<b>11</b>	<b>1,45</b>	<b>11</b>	<b>0,761</b>

3	Tham mưu ý kiến cấp trên về HĐGDKNS	CBQL	1,48		1,51		
		GV, NV	1,47		1,51		
		<b>Chung</b>	<b>1,48</b>	<b>8</b>	<b>1,51</b>	<b>9</b>	<b>0,709</b>
4	Xây dựng cơ chế báo cáo HĐGDKNS	CBQL	1,36		1,39		
		GV, NV	1,39		1,42		
		<b>Chung</b>	<b>1,38</b>	<b>12</b>	<b>1,41</b>	<b>13</b>	<b>0,753</b>
5	Phân công các bộ phận, cá nhân tham gia GDKNS	CBQL	1,63		1,58		
		GV, NV	1,53		1,54		
		<b>Chung</b>	<b>1,55</b>	<b>6</b>	<b>1,55</b>	<b>8</b>	<b>0,735</b>
6	Phổ biến các kế hoạch GDKNS đến GV, các bộ phận	CBQL	1,84		1,78		
		GV, NV	1,74		1,69		
		<b>Chung</b>	<b>1,75</b>	<b>3</b>	<b>1,70</b>	<b>2</b>	<b>0,677</b>
7	Quy định nhiệm vụ, chức năng, quyền lợi của các bộ phận và cá nhân tham gia	CBQL	1,50		1,47		
		GV, NV	1,44		1,45		
		<b>Chung</b>	<b>1,45</b>	<b>10</b>	<b>1,45</b>	<b>11</b>	<b>0,772</b>
8	Hướng dẫn GV, CB, NV nhà trường thực hiện kế hoạch	CBQL	1,88		1,76		
		GV, NV	1,74		1,69		
		<b>Chung</b>	<b>1,76</b>	<b>2</b>	<b>1,70</b>	<b>2</b>	<b>0,717</b>
9	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho GV, NV những kiến thức về GDKNS	CBQL	1,53		1,56		
		GV, NV	1,48		1,56		
		<b>Chung</b>	<b>1,48</b>	<b>8</b>	<b>1,56</b>	<b>7</b>	<b>0,689</b>
10	Tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm GDKNS	CBQL	1,32		1,44		
		GV, NV	1,37		1,52		
		<b>Chung</b>	<b>1,36</b>	<b>13</b>	<b>1,51</b>	<b>9</b>	<b>0,714</b>
11	Giám sát việc thực hiện kế hoạch đã đề ra	CBQL	1,59		1,54		
		GV, NV	1,57		1,59		
		<b>Chung</b>	<b>1,57</b>	<b>5</b>	<b>1,59</b>	<b>6</b>	<b>0,741</b>
12	Theo dõi, đôn đốc, động viên GV và NV	CBQL	1,89		1,75		
		GV, NV	1,70		1,65		
		<b>Chung</b>	<b>1,73</b>	<b>4</b>	<b>1,67</b>	<b>4</b>	<b>0,744</b>
13	Chỉ đạo việc lồng ghép, tích hợp GDKNS vào giảng dạy và các hoạt động của nhà trường	CBQL	2,28		2,04		
		GV, NV	1,96		1,85		
		<b>Chung</b>	<b>2,01</b>	<b>1</b>	<b>1,88</b>	<b>1</b>	<b>0,710</b>
14	Tổ chức các chuyên đề GDKNS cho HS	CBQL	1,69		1,74		
		GV, NV	1,52		1,60		
		<b>Chung</b>	<b>1,55</b>	<b>6</b>	<b>1,62</b>	<b>5</b>	<b>0,688</b>

Chú thích: Hệ số tương quan SPEARMAN giữa các thứ hạng mức Thường xuyên và mức Hiệu quả của 14 công việc trên = **0,945** (ở mức XS ý nghĩa 1%)

Bảng 3 cho thấy:

- Về mức độ thường xuyên, xét trên toàn mẫu:

Các việc được thực hiện thường xuyên (có trị số TB trên 1,5) theo thứ tự từ cao xuống thấp là: chỉ đạo việc lồng ghép và tích hợp GDKNS vào giảng dạy và các hoạt động của nhà trường, hướng dẫn GV và NV nhà trường thực hiện kế hoạch, phổ biến các kế hoạch GDKNS đến GV và các bộ phận, theo dõi và động viên GV và NV, giám sát việc thực hiện kế hoạch đã đề ra, tổ chức các chuyên đề GDKNS cho HS, phân công các bộ phận và cá nhân tham gia GDKNS.

Các việc không được thực hiện thường xuyên, có TB dưới 1,5 là: tổ chức tập huấn và bồi dưỡng cho GV và NV về GDKNS, tham mưu ý kiến cấp trên về HĐGDKNS, quy định nhiệm vụ, chức năng và quyền lợi của các bộ phận và cá nhân tham gia, ra những quyết định và quy định về HĐGDKNS, xây dựng cơ chế báo cáo HĐGDKNS cho HS, tổ chức giao lưu và học tập kinh nghiệm GDKNS, thành lập Ban chỉ đạo HĐGDKNS.

Không có sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL và GV, NV ở từng công việc cụ thể (13/14 chỉ số chênh lệch điểm TB là không đáng kể, khoảng 0,1 và có 1/14 chỉ số chênh lệch 0,32)

- Về mức độ hiệu quả, xét trên toàn

mẫu, chỉ có 3 trong tổng số 14 công việc được đánh giá ít hiệu quả là: quy định nhiệm vụ và quyền lợi của các bộ phận và cá nhân tham gia, ra những quyết định về HĐGDKNS, xây dựng cơ chế báo cáo HĐGDKNS cho HS, thành lập Ban chỉ đạo HĐGDKNS. Các công việc khác còn lại được đánh giá là có hiệu quả. Không có sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL và GV, NV ở từng công việc cụ thể (13/14 chỉ số chênh lệch điểm TB là không đáng kể, khoảng 0,1 và có 1/14 chỉ số chênh lệch 0,2)

- Trong từng công việc cụ thể, kiểm nghiệm hệ số tương quan Pearson giữa TB mức thường xuyên và mức hiệu quả cho thấy có tương quan ở mức ý nghĩa 1%, trị số tương quan khá cao, các trị số ở gần 0,7. Hệ số tương quan Spearman giữa các thứ hạng mức thường xuyên và mức hiệu quả của 14 công việc nêu trên = 0,945 (ở mức XS ý nghĩa 1%).

- Có sự thống nhất cao trong đánh giá của CBQL và GV, NV. Các ý kiến cho rằng đã có nhiều công việc về tổ chức và chỉ đạo được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn một số công việc chưa được thực hiện thường xuyên và ít hiệu quả.

**2.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh (xem bảng 4)**

**Bảng 4. Mức độ thường xuyên và hiệu quả của công tác kiểm tra, đánh giá**

STT	Công tác kiểm tra, đánh giá	Đối tượng	Mức độ thường xuyên		Mức độ hiệu quả		TQ. Pearson
			Trung bình	Thứ hạng	Trung bình	Thứ hạng	Có ý nghĩa ở xác suất 1%
1	Xác định nội dung kiểm tra	CBQL	1,66		1,57		
		GV, NV	1,62		1,55		
		<b>Chung</b>	<b>1,62</b>	<b>1</b>	<b>1,55</b>	<b>3</b>	<b>0,725</b>
2	Xác định các phương pháp kiểm tra	CBQL	1,57		1,53		
		GV, NV	1,57		1,53		
		<b>Chung</b>	<b>1,57</b>	<b>2</b>	<b>1,53</b>	<b>4</b>	<b>0,765</b>
3	Thực hiện kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất	CBQL	1,42		1,45		
		GV, NV	1,49		1,52		
		<b>Chung</b>	<b>1,48</b>	<b>6</b>	<b>1,51</b>	<b>6</b>	<b>0,669</b>
4	Phổ biến các tiêu chí đánh giá	CBQL	1,53		1,48		
		GV, NV	1,55		1,53		
		<b>Chung</b>	<b>1,55</b>	<b>4</b>	<b>1,52</b>	<b>5</b>	<b>0,731</b>
5	Tổ chức nhận xét, tổng kết và rút kinh nghiệm	CBQL	1,46		1,49		
		GV, NV	1,56		1,58		
		<b>Chung</b>	<b>1,54</b>	<b>5</b>	<b>1,56</b>	<b>2</b>	<b>0,732</b>
6	Khen thưởng cá nhân và tập thể có thành tích tốt, nhắc nhở, phê bình cá nhân và tập thể chưa tốt	CBQL	1,46		1,49		
		GV, NV	1,59		1,61		
		<b>Chung</b>	<b>1,57</b>	<b>2</b>	<b>1,59</b>	<b>1</b>	<b>0,755</b>

*Chú thích: Không có tương quan giữa các thứ hạng mức Thường xuyên và mức Hiệu quả của 6 việc trên (HSTQ Spearman=0,464)*

Bảng 4 cho thấy:

- Về mức độ thường xuyên, xét trên toàn mẫu, 5 công việc được thực hiện thường xuyên theo thứ tự là: xác định nội dung kiểm tra và đánh giá, xác định phương pháp đánh giá, khen thưởng và phê bình, phổ biến tiêu chí đánh giá, họp rút kinh nghiệm. Việc kiểm tra đột xuất hay định kỳ được thực hiện ở mức ít thường xuyên. Không có sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL và GV, NV ở từng công việc cụ thể (các chỉ số chênh lệch điểm TB là không đáng kể, khoảng 0,1).

- Về mức độ hiệu quả, xét trên toàn mẫu, các công việc đều được đánh giá ở mức hiệu quả, các trị số TB lớn hơn 1,50. Không có sự khác biệt trong đánh giá giữa CBQL và GV, NV ở từng công việc cụ thể (các chỉ số chênh lệch điểm TB là không đáng kể, khoảng 0,1).

- Trong từng công việc cụ thể, kiểm nghiệm hệ số tương quan Pearson giữa TB mức thường xuyên và mức hiệu quả cho thấy có tương quan ở mức ý nghĩa 1%, trị số tương quan khá cao, các trị số ở gần 0,7. Tuy nhiên, **không có tương quan** giữa các thứ hạng mức thường

xuyên và mức hiệu quả của các công việc trên, hệ số tương quan Spearman = 0,464 (ở mức XS ý nghĩa 1%).

- CBQL và GV, NV cho rằng các công việc về kiểm tra, đánh giá HĐGDKNs cho HS được thực hiện ở

mức thường xuyên và có hiệu quả.

**2.5. Quản lý các điều kiện hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh (xem bảng 5)**

**Bảng 5. Mức độ thường xuyên và hiệu quả của việc quản lý các điều kiện**

STT	Quản lý các điều kiện	Đối tượng	Mức độ thường xuyên		Mức độ hiệu quả		TQ. Pearson
			Trung bình	Thứ hạng	Trung bình	Thứ hạng	Có ý nghĩa ở xác suất 1%
1	Phân bổ thời gian dành cho HĐGDKNs	CBQL	1,62		1,50		
		GV, NV	1,60		1,55		
		<b>Chung</b>	<b>1,61</b>	<b>1</b>	<b>1,54</b>	<b>1</b>	<b>0,679</b>
2	Phân bổ kinh phí cho hoạt động GDKNs	CBQL	1,18		1,25		
		GV, NV	1,22		1,30		
		<b>Chung</b>	<b>1,21</b>	<b>5</b>	<b>1,29</b>	<b>5</b>	<b>0,680</b>
3	Hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị và đồ dùng dạy học cho hoạt động GDKNs	CBQL	1,62		1,48		
		GV, NV	1,45		1,47		
		<b>Chung</b>	<b>1,48</b>	<b>3</b>	<b>1,47</b>	<b>3</b>	<b>0,726</b>
4	Trang bị tài liệu và phương tiện cho HĐGDKNs	CBQL	1,68		1,56		
		GV, NV	1,52		1,50		
		<b>Chung</b>	<b>1,55</b>	<b>2</b>	<b>1,51</b>	<b>2</b>	<b>0,765</b>
5	Phát động phong trào thi đua GDKNs	CBQL	1,31		1,42		
		GV, NV	1,40		1,47		
		<b>Chung</b>	<b>1,39</b>	<b>4</b>	<b>1,47</b>	<b>3</b>	<b>0,739</b>

*Chú thích: Hệ số tương quan SPEARMAN giữa các thứ hạng mức Thường xuyên và mức Hiệu quả của 5 công việc trên = 0,975 (ở mức XS ý nghĩa 1%)*

Bảng 5 cho thấy:

- Nhóm công việc được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả gồm: phân bổ thời gian, trang bị tài liệu và phương tiện cho HĐGDKNs. Nhóm công việc được thực hiện ở mức thỉnh thoảng và ít hiệu quả gồm: hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị và đồ dùng dạy học cho hoạt động GDKNs, phát động phong trào thi đua GDKNs, phân bổ kinh phí cho hoạt động GDKNs.

- Trong từng công việc cụ thể, kiểm nghiệm hệ số tương quan Pearson giữa TB mức thường xuyên và mức hiệu quả cho thấy có tương quan ở mức ý nghĩa 1%, trị số tương quan khá cao, các trị số ở gần 0,7. Ngoài ra, hệ số tương quan Spearman giữa các thứ hạng mức thường xuyên và mức hiệu quả của 5 công việc nêu trên = 0,975 (ở mức XS ý nghĩa 1%) cho thấy có sự tương quan cao giữa các thứ hạng thường xuyên và hiệu quả của 5



công việc.

- Có sự thống nhất cao trong đánh giá của CBQL và GV, NV. Họ cho rằng việc phân bổ thời gian, trang bị tài liệu và phương tiện cho HĐGDKNS được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả. Các công việc chưa được thực hiện thường xuyên và ít hiệu quả là: hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị và đồ dùng dạy học cho hoạt động GDKNS, phát động phong trào thi đua GDKNS, phân bổ kinh phí cho hoạt động GDKNS.

### **2.6. Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học ở Thành phố Hồ Chí Minh**

Từ thực trạng quản lý HĐGDKNS cho HS tiểu học ở TPHCM, chúng tôi đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý HĐGDKNS và chất lượng GDKNS cho HS các trường tiểu học.

#### **2.6.1. Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, NV, cha mẹ HS về vai trò của HĐGDKNS cho HS đối với quá trình hình thành nhân cách của HS**

- Giáo dục, tuyên truyền cho CBQL, GV, NV, cha mẹ HS về vị trí, vai trò, ý nghĩa của HĐGDKNS cho HS;

- Quy định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của CBQL, GV, NV, cha mẹ HS trong HĐGDKNS.

#### **2.6.2. Hoàn thiện việc xây dựng kế hoạch tổ chức HĐGDKNS cho HS tiểu học**

- Tìm hiểu nhu cầu của CBQL, GV, NV, cha mẹ HS, HS về GDKNS;

- Xác định thực trạng HĐGDKNS của nhà trường và những nguyên nhân;

- Xây dựng tiêu chí đánh giá CBQL, GV, NV trong HĐGDKNS;

- Xác định thời gian, kinh phí và các điều kiện cần thiết.

#### **2.6.3. Tăng cường tổ chức, chỉ đạo HĐGDKNS cho HS tiểu học**

- Thành lập Ban chỉ đạo HĐGDKNS, quy định nhiệm vụ, chức năng và quyền lợi của các bộ phận và cá nhân tham gia HĐGDKNS cho HS;

- Xây dựng cơ chế báo cáo (xây dựng hệ thống thông tin) trong HĐGDKNS cho HS;

- Tăng cường phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong HĐGDKNS cho HS;

- Phát huy sự hợp tác giữa nhà trường và các cơ quan, tổ chức kinh tế, xã hội để thực hiện GDKNS cho HS;

- Tranh thủ sự hướng dẫn và giúp đỡ của cấp trên;

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, giao lưu trao đổi kinh nghiệm GDKNS cho CBQL, GV, NV, cha mẹ HS;

- Phát động phong trào thi đua GDKNS cho HS.

#### **2.6.4. Tăng cường kiểm tra, đánh giá HĐGDKNS cho HS**

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên hơn HĐGDKNS cho HS của các lực lượng giáo dục, đặc biệt là GV và cha mẹ HS;

- Kết hợp nhiều hình thức kiểm tra và đánh giá việc thực hiện GDKNS cho HS của các lực lượng giáo dục.

#### **2.6.5. Tăng cường quản lý các điều kiện thực hiện HĐGDKNS cho HS**

- Cung cấp cơ sở vật chất, thiết bị và đồ dùng cần thiết cho HĐGDKNS;

- Dự trù thời gian, kinh phí cho hoạt động GDKNS cho HS.

### 3. Kết luận

Quản lý HĐGDKNS cho HS tiểu học là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm hình thành ở HS tiểu học những khả năng hành động để các em có thể thích ứng và làm chủ được cuộc sống của mình. Hoạt động này gồm 4 chức năng: xây dựng kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo, kiểm tra và đánh giá, quản lý các điều kiện thực hiện HĐGDKNS. Nhìn chung,

quản lý HĐGDKNS cho HS tiểu học ở TPHCM được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả.

Để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động này, cần thực hiện phối hợp đồng bộ các biện pháp: tăng cường nhận thức cho các lực lượng giáo dục về HĐGDKNS, phát huy vai trò và chức năng quản lý của CBQL, tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Hòa Bình (chủ biên) & tsg (2010), *Giáo dục kỹ năng sống trong các môn học ở tiểu học*, Nxb Giáo dục.
2. Bùi Minh Hiền (chủ biên), Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006), *Quản lý giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Trần Thị Hương (chủ biên) & tsg (2014), *Giáo dục học đại cương*, Nxb Đại học Sư phạm TPHCM.
4. K. B. Everard, Geoffrey Morris, Ian Wilson, *Quản trị hiệu quả trường học*, Dự án SREM sưu tầm và biên dịch, 2010.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 07-02-2014; ngày phản biện đánh giá: 22-7-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 18-9-2014)